

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2015/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 27 tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định về định mức hỗ trợ nâng cao hiệu quả
chăn nuôi nông hộ trên địa bàn Tỉnh giai đoạn 2015-2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Quyết định 1049/QĐ-TTg ngày 26/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các đơn vị hành chính thuộc địa bàn khó khăn;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tại Văn bản số 12/SNN-NN ngày 08/01/2015) về việc ban hành định mức hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn Tỉnh giai đoạn 2015-2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về định mức hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn Tỉnh giai đoạn 2015-2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về định mức hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn Tỉnh giai đoạn 2015-2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND
ngày 27/01/2015 của UBND Tỉnh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích yêu cầu, đối tượng áp dụng, phạm vi điều chỉnh

1. Mục đích yêu cầu:

Khuyến khích các hộ gia đình trực tiếp chăn nuôi nâng cao hiệu quả chăn nuôi và bảo vệ môi trường.

2. Đối tượng áp dụng:

- Các hộ gia đình trực tiếp chăn nuôi lợn, bò, gia cầm, trừ các hộ chăn nuôi gia công cho các doanh nghiệp (sau đây gọi là hộ chăn nuôi).

- Người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc.

3. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này, quy định một số định mức hỗ trợ hộ chăn nuôi về phối giống nhân tạo gia súc, con giống vật nuôi, xử lý chất thải chăn nuôi nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2015-2020.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 2. Định mức hỗ trợ phối giống nhân tạo lợn

1. Tinh dịch:

- Loại tinh: Tinh lỏng sản xuất từ lợn đực giống đã được ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tỉnh kiểm định.

- Định mức: 02 liều tinh cho một lần phối giống và không quá 05 liều tinh cho một lợn nái/năm.

- Đơn giá liều tinh: Theo thời điểm lập kế hoạch hỗ trợ hàng năm.

- Mức hỗ trợ: 100%.

2. Điều kiện hưởng hỗ trợ:

Hộ chăn nuôi từ 10 con lợn nái trở xuống, có nhu cầu, làm đơn đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận.

Điều 3. Định mức hỗ trợ phối giống nhân tạo bò thịt**1. Tinh dịch:**

- Loại tinh: Tinh cọng rạ (cọng tinh).
- Định mức: 02 cọng tinh/bò phối/năm.
- Đơn giá cọng tinh: Theo thời điểm lập kế hoạch hỗ trợ hàng năm.
- Mức hỗ trợ: 100%.

2. Vật tư:**a) Định mức vật tư:**

- Ni tơ lỏng: 02 lít/ bò phối/năm.
- Súng bắn tinh: 01 cái, thời gian sử dụng 5 năm.
- Gang tay: 02 cái/ bò phối/năm.
- Ống gel: 02 ống/bò phối/năm.
- Đơn giá các loại vật tư nêu trên: Theo thời điểm lập kế hoạch hỗ trợ hàng năm.

b) Mức hỗ trợ vật tư: 100%.**3. Điều kiện hưởng hỗ trợ:**

Hộ chăn nuôi từ 10 con bò sinh sản trở xuống, có nhu cầu, làm đơn đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận.

Điều 4. Định mức hỗ trợ mua lợn, bò đực giống và gà, vịt giống bố mẹ hậu bị**1. Lợn đực giống:****a) Loại giống:**

- Giống lợn siêu nạc.
- Tuổi: 6 tháng tuổi trở lên.
- Trọng lượng: Từ 100 kg trở lên.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần đến 50% giá trị con giống, mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng/con lợn đực giống, mỗi hộ được hỗ trợ mua không quá 03 con lợn đực giống.

- Thời gian sử dụng lợn đực giống là 3 năm kể từ ngày hỗ trợ.

c) Điều kiện hưởng hỗ trợ:

- Các hộ chăn nuôi lợn đực giống thuộc các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn để thực hiện phối giống dịch vụ.

- Làm đơn đăng ký và cam kết thực hiện nghiêm kỹ thuật chăn nuôi an toàn theo hướng dẫn của ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

- Phẩm cấp giống từ bố mẹ trở lên, có nguồn gốc và lý lịch rõ ràng, được ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện thẩm định.

2. Bò đực giống:

a) Loại giống:

- Bò lai hướng thịt.

- Tuổi: 12 tháng tuổi trở lên.

- Trọng lượng: 200 kg trở lên.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần đến 50% giá trị con giống, mức hỗ trợ không quá 20.000.000 đ/con, mỗi hộ được hỗ trợ 01 con.

c) Điều kiện hưởng hỗ trợ:

- Các hộ chăn nuôi bò đực giống thuộc các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn để thực hiện phối giống dịch vụ.

- Làm đơn đăng ký và cam kết thực hiện nghiêm kỹ thuật chăn nuôi an toàn theo hướng dẫn của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

- Bò đực giống có tỷ lệ máu lai từ 50% trở lên, có nguồn gốc và lý lịch rõ ràng, được ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện thẩm định.

- Cứ 50 bò cái từ 18 tháng tuổi trở lên được hỗ trợ 01 bò đực giống; khấu hao một bê lai ra đời là 200.000 đồng/con; thanh lý bò đực giống sau khi nghiệm thu đủ 100 con bê lai ra đời.

3. Gà, vịt giống bố mẹ hậu bị:

a) Loại giống:

- Gà, vịt giống hướng thịt và hướng trứng.

- Tháng tuổi: Trên 3 tháng tuổi.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần đến 50% giá trị con giống, mức hỗ trợ không quá 50.000 đ/con, mỗi hộ được hỗ trợ mua không quá 200 con gà hoặc 200 con vịt giống bố mẹ hậu bị.

c) Điều kiện hưởng hỗ trợ:

- Gắn với ấp nở, cung cấp con giống.

- Phẩm cấp giống từ bố mẹ trở lên, có nguồn gốc từ các cơ sở sản xuất giống vật nuôi, được ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện thẩm định.

- Làm đơn đăng ký và cam kết thực hiện nghiêm kỹ thuật chăn nuôi an toàn theo hướng dẫn của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp huyện, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

Điều 5. Định mức hỗ trợ xử lý chất thải chăn nuôi

1. Công trình khí sinh học:

a) Chủng loại:

- Hình vòm cầu.
- Thể tích: Từ 4 m³ trở lên.
- Đơn giá: Trên 6.000.000 đồng/công trình.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần 50% giá trị xây công trình. Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/1 công trình/1 hộ.

2. Đệm lót sinh học đối với lợn và gia cầm (gà, vịt, ngan nuôi nhốt):

a) Đơn giá: Theo thời điểm lập kế hoạch hỗ trợ hàng năm.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần 50% giá trị làm đệm lót sinh học. Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/1 hộ.

3. Điều kiện hưởng hỗ trợ:

- Chăn nuôi với quy mô thường xuyên không ít hơn: 05 con lợn nái hoặc 10 con lợn thịt hoặc 03 con bò hoặc 200 con gia cầm sinh sản; có nhu cầu xây dựng công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi.

- Làm đơn đăng ký và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

- Có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc xây mới công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 6. Định mức hỗ trợ khuyến khích phát triển phối giống nhân tạo gia súc

1. Hỗ trợ đào tạo kỹ thuật phối giống nhân tạo bò:

- Số lượng: 10 - 20 người/lớp.
- Thời gian: 21 ngày.
- Đơn giá: 6.000.000 đồng/người (bao gồm: tiền ăn, ở của học viên, thuê hội trường, tiền giảng dạy, tiền mua tử cung, tiền thuê bò cái để thực hành, thực tập);
- Mức hỗ trợ: 100%.

2. Tập huấn kỹ thuật phối giống nhân tạo lợn:

- Số lượng: 10 - 30 người/lớp.
- Thời gian: 03 ngày.
- Đơn giá: 600.000 đồng/người (bao gồm: tiền ăn, ở của học viên, thuê hội trường, tiền giảng dạy và thuê lợn cái để thực hành).
- Mức hỗ trợ: 100%.

3. Hỗ trợ mua bình Nitơ:

- Loại bình: Từ 1,0 đến 3,7 lít.
- Đơn giá: Theo thời điểm lập kế hoạch hỗ trợ hàng năm.

- Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 1 lần 100 % giá trị bình Nitơ cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc. Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/1 bình/1 người.

4. Điều kiện hưởng hỗ trợ:

- Đối với người cử đi đào tạo, tập huấn phải bảo đảm các điều kiện:
 - + Đã hoàn thành chương trình Trung học cơ sở đối với khu vực miền núi hoặc Trung học phổ thông đối với khu vực đồng bằng; dưới 40 tuổi;
 - + Có nhu cầu, làm đơn và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.
- Đối với người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc phải bảo đảm các điều kiện:
 - + Đã qua đào tạo, tập huấn có chứng chỉ; có nhu cầu, làm đơn đăng ký và được Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận;
 - + Có cam kết bảo quản, sử dụng bình nitơ trong thời gian không ít hơn 5 năm.

Điều 7. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Đối với con giống:

Mỗi hộ chỉ được hỗ trợ mua một trong các đối tượng: Hoặc lợn đực giống, hoặc bò đực giống, hoặc gà giống, hoặc vịt giống.

2. Đối với công trình khí sinh học và làm đệm lót sinh học:

Mỗi hộ chỉ được hưởng hỗ trợ kinh phí hoặc công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học.

3. Hỗ trợ trực tiếp cho hộ chăn nuôi sau khi các hộ đã xây công trình khí sinh học hoặc làm đệm lót sinh học.

4. Hỗ trợ trực tiếp cho người đi đào tạo, tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc sau khi hoàn thành khóa đào tạo, tập huấn; có chứng chỉ của cơ sở đào tạo, tập huấn.

5. Trong trường hợp cùng thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

Điều 8. Cơ chế tài chính, thủ tục thanh quyết toán và thanh lý

1. Cơ chế tài chính:

a) Ngân sách tỉnh: Cấp cho các huyện, thành phố, thị xã theo kế hoạch hỗ trợ hàng năm sau khi được UBND Tỉnh phê duyệt, từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ cho Tỉnh.

b) Kinh phí từ các chương trình, dự án Trung ương và địa phương; của các tổ chức kinh tế xã hội; các chương trình hợp tác quốc tế khác được sử dụng theo Khoản 5 Điều 7 của Quy định này.

2. Thủ tục thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ:**a) Mua lợn, bò đực giống, gà, vịt giống bố mẹ hậu bị:**

- Đơn đăng ký hỗ trợ của các hộ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Lý lịch con giống;
- Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật;
- Hợp đồng mua bán;
- Hóa đơn tài chính theo quy định;
- Biên bản nghiệm thu con giống;
- Biên bản giao nhận con giống giữa Phòng Nông nghiệp/Kinh tế cấp huyện,

hộ gia đình và UBND cấp xã.

b) Tinh lợn, bò:

- Hợp đồng mua bán tinh lợn, bò;
- Biên bản kiểm tra chất lượng tinh lợn, bò;
- Hóa đơn tài chính theo quy định;
- Đơn đăng ký của các hộ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Danh sách ký nhận các hộ gia đình được phối giống tinh lợn và tinh bò hỗ

trợ.

c) Bình ni tơ:

- Hợp đồng mua bán bình ni tơ;
- Biên bản kiểm tra chất lượng bình ni tơ;
- Hóa đơn tài chính theo quy định;
- Đơn đăng ký và cam kết sử dụng bình ni tơ có xác nhận của UBND cấp xã.

d) Xây công trình khí sinh học và làm đệm lót sinh học:

- Đơn đăng ký hỗ trợ của các hộ có xác nhận của UBND cấp xã;
- Biên bản nghiệm thu công trình giữa phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Kinh tế cấp huyện, hộ gia đình và UBND cấp xã;

- Danh sách cấp phát kinh phí hỗ trợ có ký nhận của các hộ.

đ) Đào tạo, tập huấn về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc:

- Đơn xin đi học có xác nhận của UBND cấp xã;
- Chứng chỉ của cơ sở đào tạo, tập huấn (phô tô),
- Danh sách cấp phát kinh phí có ký nhận của học viên;
- Các loại hợp đồng có liên quan (thuê bò, lợn thực tập; giảng dạy, thực tập, hội trường âm thanh...).

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 9.

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố lập kế hoạch hỗ trợ hàng năm trình UBND Tỉnh phê duyệt ban hành trước tháng 8 của năm trước liền kề.

b) Chỉ đạo Trung tâm Giống và Kỹ thuật vật nuôi là cơ quan đầu mối kiểm tra chất lượng tinh dịch (bò, lợn), bình chứa ni tơ lỏng. Phối hợp với UBND cấp huyện cung ứng lợn đực giống, bò đực giống, gà, vịt giống bố mẹ hậu bị; tinh lợn, tinh bò, bình ni tơ và vật tư phối giống nhân tạo; tổ chức đào tạo, tập huấn phối giống nhân tạo gia súc theo kế hoạch được UBND Tỉnh phê duyệt hàng năm.

c) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố, hàng năm kiểm tra, tổng hợp, báo cáo tình hình và kết quả triển khai thực hiện chính sách trên địa bàn Tỉnh gửi UBND Tỉnh và Bộ Nông nghiệp và PTNT.

2. Sở Tài chính: Hàng năm căn cứ khả năng ngân sách và các nguồn tài chính khác, tham mưu UBND Tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện chính sách có hiệu quả; hướng dẫn cơ chế tài chính và thủ tục thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

a) Chỉ đạo UBND cấp xã tổ chức điều tra (đến từng thôn, buôn), lập kế hoạch hỗ trợ hàng năm, tổng hợp báo cáo UBND cấp huyện. UBND cấp huyện tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước tháng 7 của năm trước liền kề để Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp trình UBND Tỉnh ban hành trước tháng 8 của năm trước liền kề.

b) Chủ trì việc cung ứng bò đực giống, lợn đực giống, gà vịt giống bố mẹ hậu bị, tinh lợn, tinh bò, ni tơ và vật tư phối giống. Hỗ trợ xây dựng hầm Biogas và làm đệm lót sinh học trên địa bàn.

c) Xây dựng, ban hành các biểu mẫu phục vụ công tác quản lý.

d) Quản lý, cấp phát và thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ hàng năm; nghiệm thu, thanh lí các hạng mục hỗ trợ trên địa bàn theo quy định.

đ) Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND Tỉnh.

e) Tuyên truyền phổ biến rộng rãi Quy định này để các đối tượng hưởng chính sách biết và thực hiện.

f) Tổ chức thực hiện hỗ trợ đúng đối tượng, công khai danh sách các đối tượng được hưởng đến từng thôn xã, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện chính sách tại địa phương.

4. Trách nhiệm của hộ chăn nuôi:

a) Chăn nuôi bảo đảm vệ sinh an toàn dịch bệnh, vận hành hầm Biogas, sử dụng đệm lót sinh học bảo vệ môi trường gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

b) Cam kết chăm sóc nuôi dưỡng và khai thác con đực giống ít nhất 24 tháng đối với lợn và 48 tháng đối với bò; trừ trường hợp chết, loại thải hoặc thiên tai, dịch bệnh.

c) Thực hiện đầy đủ các quy định và hướng dẫn của địa phương.

Điều 10. Điều khoản thi hành

Quy định này có hiệu lực từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2020.

Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc, các địa phương báo cáo bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp trình UBND Tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự